

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 124 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Chiến**.

2. Bà **Dương Hiền Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Phụng**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 628/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại Tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị H tự nguyện cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/10/2012. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được và đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 17/01/2016. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung, anh

không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng chị Trần Thị H không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời chị cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, chị cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa xét thấy: quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày anh và chị Trần Thị H là vợ chồng hợp pháp, có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị không đến Tòa, cũng không gửi đơn trình bày ý kiến, cho thấy chị không có thiện ý hàn gắn với anh T. Do đó, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng, là có cơ sở; về tài sản chung và nợ chung anh trình bày không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, chị Trần Thị H vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, anh T trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không được, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, chị Trần Thị H không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, đồng thời chị H cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải dù được triệu tập họp lệ, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn với anh T. Do đó, việc anh T trình bày tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Theo Biên bản xác minh ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có chính quyền địa phương xác nhận: Cháu Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 17/01/2016 hiện do chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình nuôi dưỡng cháu B, chị H thực hiện nghĩa vụ và đảm bảo các điều kiện nuôi con tốt.

Việc anh T đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật, quá trình tố tụng chị H cũng không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0004451 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

**Trần Ngọc Hạnh**